VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)
Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203

ISO 9001:2015

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06862/2023/PKQ (4226.01W2310.838)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Công ty cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc
Địa chỉ : KCN Khai Quang - Thành phố Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc
Loại mẫu : Nước thải sau xử lý xả ra hệ thống nước của phường Khai Quang, TP Vĩnh Yên (X:2355230, Y: 565470)
Tình trạng mẫu : chai nhựa PE 1,0L không hãm, bảo quản lạnh
chai nhựa PE 0,3L hãm HNO_3 ;
chai PE 0,5L hãm H_2SO_4
chai nhựa 0,5L hãm NaOH
chai thủy tinh 0,1L; chai thủy tinh 1,0L không hãm
Số lượng mẫu : 01
Thời gian lấy mẫu : 24/10/2023
Thời gian thử nghiệm : 24/10/2023 - 03/11/2023

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT	
					Cột A	Cmax
1.	BOD_5 (20°C)(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	5,4	**30**	**24,3**
2.	Asen (As)(a,b)	mg/L	US EPA Method 6020A	0,003	**0,05**	**0,0405**
3.	Cadimi (Cd) (a,b)	mg/L	US EPA Method 6020A	<0,0002	**0,05**	**0,0405**
4.	Chì (Pb)(a,b)	mg/L	US EPA Method 6020A	0,0006	**0,1**	**0,081**
5.	Cr^{6+}(a,b)	mg/L	SMEWW 3500Cr.B:2017	<0,003	**0,05**	**0,0405**
6.	Cr^{3+}(a,b)	mg/L	SMEWW 3125:2017 + SMEWW 3500Cr.B:2017	0,006	**0,2**	**0,162**
7.	Đồng (Cu)(a,b)	mg/L	US EPA Method 6020A	0,116	**2**	**1,62**
8.	Kẽm (Zn)(a,b)	mg/L	US EPA Method 6020A	0,285	**3**	**2,43**
9.	Ni(a,b)	mg/L	US EPA Method 6020A	0,026	**0,2**	**0,162**
10.	Mangan (Mn)(a,b)	mg/L	US EPA Method 6020A	0,057	**0,5**	**0,405**
11.	Sắt (Fe)(a,b)	mg/L	US EPA Method 6020A	0,198	**1**	**0,81**
12.	Tổng phenol(a,b)	mg/L	TCVN 6216:1996	<0,001	**0,1**	**0,081**
13.	Florua (F^-)(a,b)	mg/L	SMEWW 4500-F^-.B&D:2017	0,52	**5**	**4,05**
14.	Amoni (NH_4^+)(a,b)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,15	**5**	**4,05**

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Công nghệ môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)
Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203

ISO 9001:2015

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT	
					Cột A	Cmax
15.	Tổng Nito(a,b)	mg/L	SMEWW 4500N-C:2017	7,2	**20**	**16,2**
16.	Coliform(a,b)	MPN/ 100mL	TCVN 6187-2:2020	750	**3000**	**3000**

*Ghi chú: - **QCVN 40:2011/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp*
*- **Cmax:** Cột A, $K_q = 0,9$ và $K_f = 0,9$*
- (a): Thông số được Vilas công nhận;
- (b): Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Hà Nội, ngày 4 tháng 10 năm 2023

PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG	QA/QC	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Phạm Hải Long	Trần Văn Cường	Nguyễn Thành Đồng

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM – VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Công nghệ môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)
Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203

ISO 9001:2015

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06861/2023/PKQ (4226.01W2310.837)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Công ty cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc
Địa chỉ : KCN Khai Quang - Thành phố Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc
Loại mẫu : Nước thải đầu vào nhà máy xử lý nước thải (Tọa độ X: 2355225, Y: 565542)
Tình trạng mẫu : chai PE 0,5L hãm H_2SO_4; chai nhựa 0,5L hãm NaOH; chai thủy tinh 0,1L; chai thủy tinh 1,0L không hãm
Số lượng mẫu : 01
Thời gian lấy mẫu : 24/10/2023
Thời gian thử nghiệm : 24/10/2023 - 03/11/2023

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT	
					Cột A	Cột B
1.	BOD_5 (20°C)(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	4,6	**30**	**50**
2.	Asen (As)(a,b)	mg/L	US EPA Method 6020A	0,002	**0,05**	**0,1**
3.	Cadimi (Cd) (a,b)	mg/L	US EPA Method 6020A	0,0002	**0,05**	**0,1**
4.	Chì (Pb)(a,b)	mg/L	US EPA Method 6020A	0,0007	**0,1**	**0,5**
5.	Cr^{6+}(a,b)	mg/L	SMEWW 3500Cr.B:2017	<0,003	**0,05**	**0,1**
6.	Cr^{3+}(a,b)	mg/L	SMEWW 3125:2017 + SMEWW 3500Cr.B:2017	0,007	**0,2**	**1**
7.	Đồng (Cu)(a,b)	mg/L	US EPA Method 6020A	0,105	**2**	**2**
8.	Kẽm (Zn)(a,b)	mg/L	US EPA Method 6020A	0,328	**3**	**3**
9.	Ni(a,b)	mg/L	US EPA Method 6020A	0,018	**0,2**	**0,5**
10.	Mangan (Mn)(a,b)	mg/L	US EPA Method 6020A	0,067	**0,5**	**1**
11.	Sắt (Fe)(a,b)	mg/L	US EPA Method 6020A	0,299	**1**	**5**
12.	Tổng phenol(a,b)	mg/L	TCVN 6216:1996	<0,001	**0,1**	**0,5**
13.	Florua (F^-)(a,b)	mg/L	SMEWW 4500-F^-.B&D:2017	0,52	**5**	**10**
14.	Amoni (NH_4^+)(a,b)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	2,81	**5**	**10**

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Công nghệ môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)
Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT	
					Cột A	Cột B
15.	Tổng Nito[(a,b)]	mg/L	SMEWW 4500-N.C:2017	11,46	**20**	**40**
16.	Coliform [(a,b)]	MPN/ 100mL	TCVN 6187-2:2020	950	**3000**	**5000**

*Ghi chú: - **QCVN 40:2011/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp*
- (a): Thông số được Vilas công nhận;
- (b): Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Hà Nội, ngày 3 tháng 11 năm 2023

PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG	QA/QC	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Phạm Hải Long	Trần Văn Cường	Nguyễn Thành Đồng

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG

VIMCERTS 079

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Công nghệ môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.